

Chương IV

BỀ DÀY VĂN HÓA CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

Người Việt Nam có một bề dày văn hóa mà chính anh ta phải biết bảo vệ. Bề dày ấy thấm sâu vào anh ta đến mức anh ta thường không nghĩ đến. Điều này nhiều khi biểu hiện thành thái độ tự ti, thành mặc cảm về dân tộc mình, nhưng lại có khi biểu hiện thành thái độ huyênh hoang không phải lúc, không phải chỗ. Muốn thấy được nó, cần phải có thói quen biết ngạc nhiên về những điều mọi người cho là dĩ nhiên không đáng chú ý, rồi cố gắng so sánh chủ yếu để qua sách, qua các khoa học, và qua lịch sử cố hiểu được mình và nhờ hiểu được mình mà hiểu được dân tộc mình, văn hóa mình, và hiểu loài người.

Người Trung Quốc xưa chê người Việt Nam sống trên thuốc mà vẫn chết. Sống trên thuốc mà vẫn chết vì không biết thuốc ở đâu. Bề dày văn hóa như một kho vàng, nhưng muốn khai thác được vàng phải vất vả, đào bới mới có được. Cái lớp đất đá phải đào lớp bởi vì có người cố tình duy trì, đổ thêm đất đá lên, vì chính quyền lợi của họ. Cái kho vàng này khó khai thác lắm bởi vì từng cá nhân một

phải làm cho chính mình. Con không thể nhờ cha, chồng không thể nhờ vợ. Nhưng trước hết phải có người chỉ cho anh ta thấy kho vàng đã. Do đó, phải có một chính trị sáng suốt của anh ta, cho anh ta và vì anh ta, và xây dựng những tổ chức để cùng nhau đào bới.

Tôi trình bày dưới đây những sở nghiệm mà mọi người đều biết. Tôi không có hiểu biết gì đặc biệt, nhưng vì trong năm mươi năm qua, cuộc đời một người cũng như hoàn cảnh đất nước có nhiều thay đổi khá đột ngột cho nên vô hình trung, tôi phải tự giải thích nguyên nhân. Khi tự giải thích không được, tôi tìm sách xưa, sách thế giới. Càng tìm hiểu, tôi càng ngạc nhiên vì thấy những chuyện mà tôi cho là bình thường lại khá hiếm có ở các tộc người khác và dần dần hiểu được đôi chút.

Khi Bác và Đảng chủ trương kháng chiến toàn dân, tôi thấy chủ trương "*Kháng chiến trường kỳ và gian khổ*" được mọi người vâng theo như một điều dĩ nhiên. Cuộc kháng chiến dù là năm năm, mười năm, hai mươi năm hay lâu hơn nữa, vẫn được nhân dân theo đến cùng. Đây rất khác quan niệm mà trong lịch sử thế giới tôi đã được biết. Tôi lên Việt Bắc, hàng chục vạn người lên nơi núi non, trong tay không có gì hết. Điều tôi ngạc nhiên là không một người nào chết đói. Đứng trước khó khăn, không ai oán trách Đảng vì phải rời nhà, rời cửa cái, chạy vào nơi rừng thiêng nước độc. Sau vài hôm, tôi thấy người ta bắt tay vào lao động, phát nương, làm ruộng, mà đây là những con người chưa hề quen với nương

rẫy, đồng ruộng. Rồi những thị trấn mới ra đời, những làng mới, rồi một cảnh yên vui mới xuất hiện. Mọi người đều tự động làm việc chứ Đảng không có phương tiện giúp đỡ. Phải có một sức sống kỳ diệu như người xưa nói "*Tùng mộc trên đá*" mới làm được điều đó. Lịch sử mọi nước cho thấy trong mọi cuộc chiến tranh, vô số người chết đói. Nhưng người Việt Nam không chịu chết đói. Họ thích nghi ngay được với cuộc sống mà cha ông họ chưa biết, và tồn tại để tiếp tục sự nghiệp đấu tranh.

Bạn đi công tác, đến đâu có dân đây che chở. Người ta nhường cho bạn nơi nào? Nhà thờ. Gian nhà được xem là trang trọng nhất. Mà bạn nào đã giúp đỡ gì cho họ đâu, nào có bà con gì với họ đâu? Họ nghèo thì chịu nghèo, đói thì chịu đói, chứ không để cho bạn đói. Tôi có gặp một anh bạn người Đức. Anh ta không sao hiểu được chuyện này. Nếu là ở Đức, vào nhà người ta là rất khó, ngủ lại càng khó, đừng nói ngủ ở nơi trang trọng nhất. Tại sao người Việt Nam chỉ đánh kẻ thù khi kẻ thù cầm súng bắn vào họ. Còn khi kẻ thù đã buông vũ khí thì họ đối xử hết sức nhân đạo. Chuyện này xảy ra không chỉ ngày nay, mà ở đời Trần, đời Lê, đời Quang Trung. Tại sao, trong việc giáo dục nhân dân chiến đấu. Bác nói ít về tinh thần yêu nước, mà nhân dân vẫn cứ chiến đấu kiên cường. Bởi vì đối với con cá, sinh ra là biết bơi. Đối với con người Việt Nam sinh ra là đã biết yêu nước. Cái đó không phải dạy. Cái cần phải giáo dục là thái độ đối với dân. Nếu anh biết hy sinh cho dân thì dân biết hi sinh cho

anh. Hi sinh khi anh sống dưới hầm, và cả khi lên khỏi hầm nữa. Chứ không phải lên khỏi hầm thì sẽ khác. Lúc đó đất đá đã phủ lên kho vàng.

Hãy hỏi các bà mẹ xem các bà có biết gì về đấu tranh giai cấp, thặng dư giá trị, v.v... không. Rồi hỏi các bà xem các bà có biết hi sinh, chịu gian khổ, giữ lấy danh dự Gia đình, Tổ quốc không? Tức khắc ta có câu trả lời về bề dày văn hóa. Hãy hỏi các bà xem các bà quý trọng tình nghĩa hay của cải, lợi ích riêng của mình hay quyền lợi chung của làng, của nước? Hãy hỏi xem các bà quý trọng sự chân thực trong đối xử hay những khéo léo nhưng giả dối trong xã giao? Hãy hỏi các cô vợ góa nuôi con xem các cô coi trọng xác thịt mình hơn hay sự sống và danh dự đứa con hơn? Hãy hỏi trong thâm tâm người Việt Nam, lối sống trong sạch, giản dị, dù có thiếu thốn vẫn được đánh giá cao hay cuộc sống phè phỡn, xa hoa, bo bo đến lợi ích để rồi ích kỷ?

Một nhân dân quen với hi sinh yêu những người giống mình. Con người không biết kiềm chế những ham muốn vật chất, sống hời hợt, có thể nhất thời lôi cuốn những kẻ bị lừa dối, nhưng từng người một, chỉ cần một phút nghĩ lại truyền thống văn hóa cha ông, sẽ nhanh chóng trở về với chính nghĩa. Thế hệ tôi không phải ghê gớm phi thường gì. Nó cũng đã bị phương Tây lôi cuốn. Nhưng sau đó, đã tỉnh ngộ. Không nên quá lo sợ về tình trạng thanh thiếu niên hiện nay. Mà nên lo sợ cho thế hệ của chính những người làm cha, làm bác, làm anh. Những người ấy

phải sống như họ đã sống. Họ phải nêu rõ cái kho tàng văn hóa của mình. Họ phải biết tự kiểm chế.

Mỗi người Việt Nam đều là một người say mê văn hóa. Mỗi cán bộ, mỗi người lính đều có một quyển sổ dày cộp ghi những bài thơ, những bài hát, những giai thoại, những câu tục ngữ mình mới học được. Rồi khi gặp dân lại đem ra cùng đọc cho đồng bào và được đồng bào rất thích. Đơn vị nào cũng có báo liếp. Văn hóa, văn học xuất hiện khắp nơi khi có người Việt. Trong các nhà tù, trong các nơi phải đấu tranh để giữ vững khí tiết lập tức có truyền thống dùng văn hóa chống lại bạo lực, lấy chính nghĩa chống hung tàn. Đây là truyền thống từ xa xưa, và những bài thơ, những bài văn hay làm trong những hoàn cảnh này được thể hệ này truyền tụng sang thể hệ khác. Tại sao khi trong làng, trong xã có một chuyện bất công trái đạo lý thường xuất hiện những bài vè, được nhân dân truyền tụng?

Tại sao bước vào một căn nhà Việt Nam cái đập ngay vào mắt ta là câu đối, trướng, hoành phi nhắc nhở chúng ta nhớ đến văn hóa của tổ tiên. Tại sao cái tiêu biểu cho văn hóa Việt Nam không phải là những kiến trúc nguy nga của vua chúa, mà là chữ? Chữ ghi lại trong các câu đối, hoành phi, trong các gia phả, trong trí nhớ mọi người. Muốn là một nhân dân có văn hóa phải biết học, học suốt đời. Phải học tập người ta có ý thức. Tức là học chỗ mạnh của người ta để khắc phục những nhược điểm của

mình. Truyền thống ham học và học giỏi, trí thông minh của Việt Nam là chuyện ai cũng biết. Ngày xưa, ta đã học Trung Hoa, sau đó học Pháp, học các nước xã hội chủ nghĩa. Đã có những ngày học sinh Việt Nam nổi tiếng học giỏi ở các nước xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã biết dùng cái học này để bảo vệ Tổ quốc, nêu cao giá trị con người Việt Nam. Rồi sau đó hình như có sự sút kém. Nhưng sự sút kém chắc chắn chỉ nhất thời.

Một điều cũng hết sức hiếm thấy trong lịch sử thế giới là các dân tộc ít người trong một số nước lại thống nhất, đoàn kết với dân tộc đa số như ở Việt Nam. Nếu như ở nhiều nước, giữa tộc người chủ đạo và các tộc người thiểu số gần như thường xuyên có va chạm, nhiều khi có nội chiến và các tộc người này thường là chỗ dựa cho các cuộc xâm lăng, thì ở Việt Nam không có tình trạng này. Trái lại, chính địa bàn của họ là cơ sở các cuộc kháng chiến, dù đó là ở đời Trần, đời Lê hay trong cuộc kháng chiến vừa qua. Chẳng có một mưu mô nào chia rẽ được các dân tộc cùng sống trên đất nước này. Tôi có gặp những người hoạt động cách mạng ở vùng núi thì họ đều thán phục tinh thần hi sinh, tận tụy của đồng bào. Thực tình, điều này là phi thường. Do đó, ta phải có chính sách thích hợp để đền ơn đáp nghĩa.

Bề dày của văn hóa Việt Nam là ở điểm nó là một văn hóa nhân cách luận trước đây, và nay nó là một văn hóa nhân cách luận cách mạng. Người

Việt Nam nhìn con người ở bốn phân, trách nhiệm với Gia đình, Tổ quốc, Làng xóm, Đồng bào. Dù cho họ có bị thực dân Pháp cai trị, họ vẫn không thấy nhân cách người Pháp hơn họ. Họ phải chịu thua vì súng đạn chứ không chịu kém về giá trị con người. Dù cho họ thấy người Mĩ giàu có, nhưng họ vẫn không thấy người Mĩ hơn họ về nhân cách. Họ theo một nhân cách mới mà họ thấy rõ ràng là cao hơn, đó là nhân cách của những người Cách mạng.

Người ta có thể hỏi: tại sao có một bề dày văn hóa như vậy mà Việt Nam chưa bao giờ giàu có cả? Trong văn hóa Việt Nam, ngay trong truyền thống cũng có những nhược điểm; ham học, nhưng chỉ học để làm quan, không phải học để trau dồi khoa học, kĩ thuật. Có thái độ đề cao quá đáng một thứ văn chương thiên về tán tụng mà coi nhẹ các hiểu biết thiên về thực tế sản xuất. Tuy giàu đức tính hi sinh, nhưng lại bị ảnh hưởng bởi địa vị, thiếu một ý thức vững vàng về giá trị con người ở ngay lao động. Với một tâm thức như thế, dù có một bề dày văn hóa, vẫn không thể chuyển cái năng lực sẵn có sang một hướng mới, để đổi mới xã hội. Có nhiều cản trở mà những người có trách nhiệm phải hiểu. Bác Hồ ý thức được điều này. Bác nói: *"Dân lấy ăn làm trời; nếu không có ăn là không có trời. Vì vậy chính sách của Đảng và Chính phủ là chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm, Đảng và Chính phủ có lỗi"*.

Con đường ngàn dặm bắt đầu từ bước chân đầu tiên. Con đường đổi mới đất nước là con đường ngàn dặm. Trước hết, từng người một hãy tự hỏi mình có thực lòng muốn cho đất nước giàu có, văn minh và công bằng không? Nếu lòng mình còn vừa muốn vừa không, nếu trên con đường này gặp những điều bất lợi cho mình và gia đình thì có bước lên không? Hay lùi lại? Miệng nói tiến lên nhưng lại tìm một hạnh phúc trong thế giới ý niệm bỏ mặc thực tại. Câu chuyện này đã xảy ra suốt toàn bộ lịch sử loài người. Có một bề dày văn hóa chưa đủ. Phải khai thác được nó. Phải biết chuyển hóa nó theo hướng hiện đại. Câu chuyện bắt đầu từ trái tim của chúng ta.